

Mệnh Đề Tính Ngữ Không Xác Định

(Non-defining Relative Clauses) trong Tiếng Anh

1. Khái Niệm & Đặc Điểm

Định Nghĩa

Mệnh đề tính ngữ không xác định dùng để cung cấp **thêm thông tin phụ** về một danh từ, người hoặc vật đã được xác định rõ ràng.

Nếu bỏ mệnh đề này đi, câu chính vẫn giữ nguyên nghĩa hoàn chỉnh và rõ ràng.

Đặc Điểm Nhận Biết

- ✓ Danh từ trước đó thường là tên riêng, có tính từ sở hữu (my, his...) hoặc từ chỉ định (this, that...).
- ✓ Luôn được tách biệt với phần còn lại của câu bằng **dấu phẩy (,)**.

2. Ví Dụ Minh Họa Cơ Bản

Ví dụ 1 (Chỉ người):

Yesterday I met John, who told me he was getting married.

(Hôm qua tôi gặp John - người đã nói với tôi rằng anh ấy sắp kết hôn).

Ví dụ 2 (Nghề nghiệp / Đặc điểm):

Martin, who is a bullfighter, is really strong.

(Martin, người là một đấu sĩ bò tốt, thực sự rất khỏe mạnh).

Ví dụ 3 (Vật / Sự việc):

They are enjoying their holiday, which they looked forward to for a long time.

3. Các Quy Tắc Cần Nhớ

- ⚠ **KHÔNG ĐƯỢC dùng "THAT":** Trong mệnh đề không xác định, tuyệt đối không dùng từ "that" thay cho who/which.
- ⚠ **Bắt buộc có dấu phẩy:** Phải có dấu phẩy ở cả đầu và cuối mệnh đề (nếu nó nằm giữa câu) hoặc trước nó (nếu nằm cuối câu).
- ⚠ **Không được lược bỏ đại từ:** Không thể bỏ các đại từ quan hệ (who, whom, which) như trong mệnh đề xác định.

4. Các Đại Từ Quan Hệ Sử Dụng

Đại từ	Chức năng	Ví dụ minh họa
WHO / WHOM	Thay thế cho Người (Chủ ngữ / Tân ngữ)	<i>My husband, who is walking in front of me, is ready to help.</i>
WHICH	Thay thế cho Vật, Sự việc hoặc cả mệnh đề trước	<i>She couldn't come to the party, which was a pity.</i>
WHOSE	Chỉ sự sở hữu (cho người hoặc vật)	<i>Peter, whose bike is red, is very careful.</i>

5. Cấu Trúc Định Lượng (Quantifiers + Of Which / Whom)

Ta có thể kết hợp các từ chỉ định lượng trước **whom** (cho người) hoặc **which** (cho vật):

Dành cho Người (+ Whom)

- all of whom / many of whom
- most of whom / neither of whom

Ex: Jack has three brothers, **all of whom** are married.

Dành cho Vật (+ Which)

- none of which / two of which
- most of which / half of which

Ex: Ann has many books, **most of which** she hasn't read.

Bài Tập Vận Dụng

Củng cố kiến thức với các dạng bài tập chuyển đổi câu phổ biến.

6. Bài Tập Ví Dụ & Phân Tích

Bài toán 1: Kết hợp 2 câu sử dụng mệnh đề không xác định.

Đề bài: The weather was very good. We hadn't expected it.

Lời giải: The weather was very good, **which we hadn't expected**.

Bài toán 2: Dùng giới từ đi kèm.

Đề bài: Fortunately we had a map. Without it we would have got lost.

Lời giải: Fortunately we had a map, **without which** we would have got lost.

Q&A

Cảm ơn bạn đã theo dõi bài học!

Chúc bạn học tập tốt và chinh phục điểm số cao môn Tiếng Anh.